

Số: 11/2025/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 09 tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**  
**Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán**  
**chi thường xuyên ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2026**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026 - 2028;

Xét Tờ trình số 0420/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 185/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2026.

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách các cấp tỉnh Cà Mau năm 2026.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã và các tổ chức chính trị xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã.

2. Các tổ chức xã hội, các Hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ.

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

### **Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí và phương pháp tính toán một số định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên**

1. Nguyên tắc xác định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên

a) Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên cho ngân sách nhà nước các cấp tỉnh Cà Mau năm 2026 là căn cứ tạo nguồn để các cấp chính quyền và các cơ quan đơn vị hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh xây dựng dự toán và phân bổ dự toán cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách;

b) Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên gắn với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi cấp chính quyền địa phương để đảm bảo cho các cấp, các ngành chủ động trong điều hành và khai thác các nguồn lực phục vụ quá trình điều hành phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương;

c) Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đảm bảo nguyên tắc cân đối ngân sách địa phương; thể hiện tính công bằng, hợp lý và công khai, minh bạch trong phân bổ ngân sách các cấp;

d) Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên trên cơ sở kế thừa kết quả thực hiện định mức phân bổ thời kỳ ổn định ngân sách 2022 – 2025;

đ) Định mức phân bổ chi thường xuyên theo nguyên tắc đảm bảo các khoản chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương, tính theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng.

2. Tiêu chí, phương pháp tính toán một số định mức cụ thể

a) Tiêu chí

Tiêu chí biên chế được giao theo quyết định của Ủy ban nhân dân cùng cấp, kể cả hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, tính đến thời điểm tháng 10 năm trước năm dự toán;

Trong quá trình thực hiện, các chế độ, chính sách, tiền lương và biên chế có thay đổi theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì kinh phí được bổ sung tăng thêm hoặc giảm trừ tương ứng so với định mức và thời gian được hưởng;

Tiêu chí học sinh, sinh viên theo số liệu thực tế đến thời điểm tháng 10 của năm trước năm dự toán;

b) Phương pháp tính toán

Định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể và chi các lĩnh vực sự nghiệp: Định mức phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao tính đến thời điểm tháng 10 của năm trước năm dự toán. Trường hợp số lượng người trong bảng lương thấp hơn số lượng biên chế được giao thì biên chế còn thiếu được cộng thêm và tính theo mức lương chuyên viên bậc 1 (2,34) đối với cán bộ, công chức. Trường hợp số lượng người trong bảng lương nhiều hơn số

lượng biên chế được giao, thì biên chế thừa không được tính phân bổ tiền lương mà cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng kinh phí hoạt động để đảm bảo.

Cách tính kinh phí hoạt động theo số lượng biên chế được giao theo phương pháp lũy thoái, theo công thức như sau: Đối với lĩnh vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp tỉnh: (người thứ 01 đến 25 x định mức phân bổ theo biên chế) + (người thứ 26 đến 50 x định mức phân bổ theo biên chế) + (người thứ 51 trở lên x định mức phân bổ theo biên chế) = Tổng kinh phí hoạt động; cấp xã: (người thứ 01 đến 50 x định mức phân bổ theo biên chế) + (người thứ 51 trở lên x định mức phân bổ theo biên chế) = Tổng kinh phí hoạt động.

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 4): (người thứ 01 đến 25 x định mức phân bổ theo biên chế lĩnh vực sự nghiệp) + (người thứ 26 đến 50 x định mức phân bổ theo biên chế lĩnh vực sự nghiệp) + (người thứ 51 trở lên x định mức phân bổ theo biên chế lĩnh vực sự nghiệp) = Tổng kinh phí hoạt động.

#### c) Định mức chi sự nghiệp giáo dục

Định mức phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao tính đến thời điểm tháng 10 của năm trước năm dự toán: Trường hợp số lượng người trong bảng lương thấp hơn số lượng biên chế được giao, thì biên chế còn thiếu được cộng thêm và tính theo mức lương giáo viên bậc 1 đối với giáo viên. Trường hợp số lượng người trong bảng lương nhiều hơn số lượng biên chế được giao, thì biên chế thừa không được tính phân bổ tiền lương mà cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng kinh phí hoạt động để đảm bảo.

## **Chương II** **ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN** **NGÂN SÁCH CÁC CẤP**

### **Điều 4. Định mức phân bổ chi các hoạt động kinh tế**

#### 1. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp tỉnh

a) Định mức phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương;

b) Định mức phân bổ kinh phí chi sự nghiệp kinh tế căn cứ nhiệm vụ được giao theo các lĩnh vực như nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản, giao thông vận tải và các sự nghiệp kinh tế khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

#### 2. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp xã

a) Định mức phân bổ bằng 10% chi thường xuyên của cấp xã theo các lĩnh vực chi gồm các Điều 6 đến Điều 16 Nghị quyết này (không bao gồm Điều 7; Điều 8; điểm c khoản 2 Điều 10; điểm b khoản 2 Điều 15 và điểm b khoản 2 Điều 16).

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

Đối với các Phường: An Xuyên, Tân Thành, Bạc Liêu có đô thị loại II theo địa giới hành chính trước sáp nhập bổ sung thêm 20.000.000.000 đồng/năm;

Đối với các xã, phường đô thị động lực (phường: Hòa Thành, Lý Văn Lâm, Giá Rai, Hiệp Thành, Láng Tròn, Vĩnh Trạch; xã: Sông Đốc, Đất Mũi, Năm Căn) bổ sung thêm 12.000.000.000 đồng/năm;

Đối với các xã có đô thị loại V theo địa giới hành chính trước sáp nhập (Xã: Tân Thuận; Tân Tiến; Thanh Tùng; Đầm Dơi; Nguyễn Phích; Khánh Lâm; Phan Ngọc Hiền; Đá Bạc; Trần Văn Thời; Thới Bình; Trí Phải; Đất Mới; Cái Đồi Vàm; Phú Tân; Lương Thế Trân; Tân Hưng; Cái Nước; Hồng Dân; Gành Hào; Hòa Bình; Vĩnh Hậu; Phước Long; Vĩnh Lợi; Ninh Quới; Vĩnh Phước; Phong Hiệp; Châu Thới) bổ sung thêm 5.000.000.000 đồng/năm;

Các xã còn lại bổ sung thêm 3.000.000.000 đồng/năm.

**Điều 5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục**

1. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp tỉnh

a) Định mức phân bổ, giao dự toán cho từng đơn vị được tính theo quy định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn liên quan. Trong đó, tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao;

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 4): Kinh phí hoạt động thường xuyên tính theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao. Hàng năm, khi thảo luận dự toán thu, sau khi thực hiện trừ các khoản chi phí trực tiếp, tính để lại nguồn cải cách tiền lương, phần nguồn thu còn lại giảm chi từ nguồn ngân sách Nhà nước.

Định mức theo biên chế được giao:

Từ biên chế thứ 01 đến 25: 41.000.000 đồng/biên chế/năm;

Từ biên chế thứ 26 đến 50: 38.000.000 đồng/biên chế/năm;

Từ biên chế thứ 51 trở lên: 36.000.000 đồng/biên chế/năm.

2. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp xã

a) Định mức phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương (kể cả tăng lương định kỳ và thường xuyên);

b) Định mức phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên theo tiêu chí học sinh

Trường Trung học cơ sở: 1.288.000 đồng/học sinh/năm;

Trường Tiểu học: 1.232.000 đồng/học sinh/năm;

Trường Mẫu giáo: 1.820.000 đồng/học sinh/năm;

Trường Mầm non (bao gồm lớp mẫu giáo và lớp trẻ): 2.030.000 đồng/học sinh/năm.

3. Ngoài định mức phân bổ theo khoản 1 Điều này, bố trí tăng thêm sự nghiệp giáo dục của cấp tỉnh 10% trên tổng kinh phí hoạt động thường xuyên để tạo nguồn thực hiện các nhiệm vụ chi thuộc hoạt động sự nghiệp giáo dục khác: Trang bị sách, dụng cụ, thiết bị phục vụ công tác xoá mù chữ và phổ cập; các hoạt động phong trào, các công tác mang tính chất chỉ đạo, hướng dẫn, phục vụ công tác chung của ngành.

4. Định mức phân bổ đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: Định mức phân bổ theo định suất được giao, khoán với mức 90.000.000 đồng/định suất/năm.

5. Đối với các nhiệm vụ thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non; hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật; hỗ trợ học sinh phổ thông trung học vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được xác định trên cơ sở đối tượng thực tế, mức hỗ trợ theo quy định.

## **Điều 6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề**

1. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp tỉnh

a) Các trường đại học, cao đẳng và trung cấp, trung cấp chuyên nghiệp chính quy, trung cấp nghề chính quy, sơ cấp

Định mức phân bổ, giao dự toán cho từng đơn vị được tính theo quy định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP; Thông tư số 56/2022/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn liên quan. Trong đó, tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao;

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 4): Kinh phí hoạt động thường xuyên tính theo số biên chế được cấp thẩm quyền giao. Hàng năm, khi thảo luận dự toán thu, sau khi thực hiện trừ các khoản chi phí trực tiếp, tính để lại nguồn cải cách tiền lương, phần nguồn thu còn lại giảm chi từ nguồn ngân sách Nhà nước;

Định mức theo biên chế được giao:

Từ biên chế thứ 01 đến 25: 41.000.000 đồng/biên chế/năm;

Từ biên chế thứ 26 đến 50: 38.000.000 đồng/biên chế/năm;

Từ biên chế thứ 51 trở lên: 36.000.000 đồng/biên chế/năm;

b) Chi mở các lớp đào tạo của Trường Chính trị tỉnh: Theo chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo trên cơ sở các chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi tiêu ngân sách hiện hành;

c) Kinh phí đào tạo của ngân sách cấp tỉnh căn cứ nhiệm vụ được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

d) Định mức phân bổ đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: Định mức phân bổ theo định suất được giao, khoán với mức 90.000.000 đồng/định suất/năm.

## 2. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp xã

a) Định mức phân bổ tạo nguồn cho cấp xã: 350.000.000 đồng/năm;

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

Giáo dục cộng đồng tại xã: 125.000.000 đồng/xã/năm;

Chi mở các lớp đào tạo tại các xã, phường có Trung tâm bồi dưỡng chính trị: Theo chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo được giao của cấp thẩm quyền.

## **Điều 7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**

### 1. Đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập

a) Các Trung tâm y tế đa chức năng

Đối với hoạt động khám, chữa bệnh: Đơn vị tự đảm bảo tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp. Kinh phí hoạt động thường xuyên: Phân bổ, giao dự toán cho từng đơn vị được tính theo quy định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP; Thông tư số 56/2022/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Đối với bộ phận quản lý: Định mức phân bổ, giao dự toán cho từng đơn vị được tính theo quy định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP; Thông tư số 56/2022/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn liên quan. Trong đó, tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

Đối với hoạt động y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe, dân số, an toàn thực phẩm, hoạt động của các trạm y tế xã, phường: Định mức phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương. Định mức kinh phí hoạt động thường xuyên theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao là 24.000.000 đồng /biên chế/năm.

b) Các Trung tâm y tế không thực hiện nhiệm vụ khám, chữa bệnh

Đối với bộ phận quản lý: Định mức phân bổ, giao dự toán cho từng đơn vị được tính theo quy định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP; Thông tư số 56/2022/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn liên quan. Trong đó, tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

Đối với hoạt động y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe, dân số, an toàn thực phẩm, hoạt động của các trạm y tế xã, phường: Định mức phân bổ đảm bảo tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao. Định mức kinh phí hoạt động thường xuyên theo biên chế được cấp thẩm quyền giao là 24.000.000 đồng/biên chế/năm.

c) Các đơn vị sự nghiệp y tế còn lại: Định mức phân bổ, giao dự toán cho từng đơn vị được tính theo quy định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP; Thông tư số 56/2022/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn liên quan. Trong đó, tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

d) Riêng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 4)

Kinh phí hoạt động thường xuyên tính theo số biên chế được cấp thẩm quyền giao. Hàng năm, khi thảo luận dự toán thu, sau khi thực hiện trừ các khoản chi phí trực tiếp, tính để lại nguồn cải cách tiền lương, phần nguồn thu còn lại giảm chi từ nguồn ngân sách Nhà nước.

Định mức phân bổ theo biên chế được giao:

Từ biên chế thứ 01 đến 25: 41.000.000 đồng/biên chế/năm.

Từ biên chế thứ 26 đến 50: 38.000.000 đồng/biên chế/năm.

Từ biên chế thứ 51 trở lên: 36.000.000 đồng/biên chế/năm.

2. Định mức phân bổ đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: Định mức phân bổ theo định suất được giao, khoán với mức 90.000.000 đồng/định suất/năm.

3. Chi chế độ chính sách đối với phụ cấp đối với nhân viên y tế áp, khám; cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình theo quy định của cấp thẩm quyền.

4. Ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế do địa phương ban hành thực hiện theo thực tế phát sinh.

**Điều 8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

1. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp tỉnh

a) Định mức phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương;

b) Định mức phân bổ kinh phí chi sự nghiệp khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cấp tỉnh căn cứ nhiệm vụ được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

## 2. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp xã

a) Định mức phân bổ căn cứ nhiệm vụ được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển tiềm lực khoa học công nghệ; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin (không bao gồm an toàn thông tin, an ninh mạng); giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số; hạ tầng thông tin;

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Thực hiện nhiệm vụ ứng dụng khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin là 150.000.000 đồng/xã, phường/năm. Kinh phí hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng theo quy định.

### **Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**

#### 1. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp tỉnh

a) Định mức phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương;

b) Định mức phân bổ kinh phí chi sự nghiệp bảo vệ môi trường cấp tỉnh căn cứ nhiệm vụ được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

#### 2. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp xã

a) Định mức phân bổ 150.000.000 đồng/xã, phường/năm;

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Kinh phí cho ngân sách các xã, phường để thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải. Riêng phường An Xuyên phân bổ thêm kinh phí xử lý rác thải theo số liệu thống kê đến tháng 10 năm trước năm dự toán.

### **Điều 10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin**

#### 1. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp tỉnh

a) Định mức phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương;

b) Định mức phân bổ kinh phí chi sự nghiệp văn hoá - thông tin cấp tỉnh căn cứ nhiệm vụ được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

#### 2. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp xã

a) Định mức phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương;

b) Định mức phân bổ 120.000.000 đồng/xã, phường/năm;

c) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

Hỗ trợ kinh phí đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở ấp, khóm để thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở ấp, khóm để

thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; hỗ trợ Ban Mặt trận ở khu dân cư; kinh phí tuyên truyền, vận động chấp hành pháp luật trong cộng đồng dân cư, tổ chức giám sát đầu tư công cộng;

Đối với xã, phường có Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông bổ sung định mức 27.000.000 đồng/biên chế/năm.

### **Điều 11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục, thể thao**

1. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp tỉnh

a) Định mức phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương;

b) Định mức phân bổ kinh phí chi sự nghiệp thể dục, thể thao cấp tỉnh căn cứ nhiệm vụ được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp xã: 110.000.000 đồng/xã, phường/năm.

### **Điều 12. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình**

1. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp tỉnh căn cứ nhiệm vụ được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp xã: 110.000.000 đồng/xã, phường/năm.

3. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Đối với các xã, phường có Đài truyền thanh khu vực bổ sung thêm 100.000.000 đồng/năm.

### **Điều 13. Định mức phân bổ chi bảo đảm xã hội**

1. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp tỉnh

a) Định mức phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương;

b) Định mức phân bổ kinh phí chi đảm bảo xã hội cấp tỉnh căn cứ nhiệm vụ được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp xã

a) Định mức phân bổ: 450.000.000 đồng/xã, phường/năm;

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

Thực hiện chính sách bảo trợ xã hội, an sinh xã hội, gồm: Trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội; các chính sách có liên quan đối với người có công với cách mạng, cựu chiến binh, thanh niên xung phong theo quy định của pháp luật. Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định của pháp luật.

Kinh phí chúc thọ, mừng thọ và tặng quà người cao tuổi; phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định.

**Điều 14. Định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể; các tổ chức xã hội và một số đơn vị sự nghiệp công lập**

1. Định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh

a) Định mức phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương;

b) Định mức phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên theo biên chế được giao

Từ biên chế thứ 01 đến 25: 41.000.000 đồng/biên chế/năm;

Từ biên chế thứ 26 đến 50: 38.000.000 đồng/biên chế/năm;

Từ biên chế thứ 51 trở lên: 36.000.000 đồng/biên chế/năm;

c) Các đơn vị thuộc Tòa nhà Ủy ban nhân dân tỉnh, định mức phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên theo biên chế được giao bằng 93% định mức quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

d) Định mức phân bổ đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: Phân bổ theo định suất được giao, khoán với mức 100.000.000 đồng/định suất/năm.

2. Phân bổ kinh phí cho các Hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ: Mức hỗ trợ bằng với định mức chi quản lý nhà nước theo biên chế quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Phân bổ kinh phí cho các tổ chức xã hội theo quy định của cấp có thẩm quyền.

4. Phân bổ nguồn để thực hiện các nhiệm vụ: Chi thực hiện các chính sách, một số nhiệm vụ không thường xuyên, nhiệm vụ chính trị của Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; kinh phí đại hội theo nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị - xã hội; kinh phí khiếu nại, tố cáo; kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ đặc thù của đơn vị; kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Định mức phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ chi: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết; đoàn ra, đoàn vào; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan; bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên; mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định; chi thực hiện các nhiệm vụ phát sinh thường xuyên khác.

6. Định mức phân bổ chi một số đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh (không bao gồm các sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề và y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình)

a) Phân bổ, giao dự toán cho từng đơn vị được tính theo quy định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP; Thông tư số 56/2022/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn liên quan. Trong đó, tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao;

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 4): Kinh phí hoạt động thường xuyên tính theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao. Hàng năm, khi thảo luận dự toán thu, sau khi thực hiện trừ các khoản chi phí trực tiếp, tính để lại nguồn cải cách tiền lương, phần nguồn thu còn lại giảm chi từ nguồn ngân sách Nhà nước.

Định mức theo biên chế được giao:

Từ biên chế thứ 01 đến 25: 41.000.000 đồng/biên chế/năm;

Từ biên chế thứ 26 đến 50: 38.000.000 đồng/biên chế/năm;

Từ biên chế thứ 51 trở lên: 36.000.000 đồng/biên chế/năm;

d) Định mức phân bổ đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: Phân bổ theo định suất được giao, khoán với mức 100.000.000 đồng/định suất/năm.

d) Đối với Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần, Trung tâm Bảo trợ xã hội: 115.000.000 đồng/định suất/năm; đối với hợp đồng lao động đặc thù do cấp có thẩm quyền giao (theo định suất) cho sự nghiệp văn hoá và đảm bảo xã hội được phân bổ theo hệ số lương thực tế và các khoản phụ cấp của ngành (nếu có).

7. Định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã

a) Định mức phân bổ: Đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương;

b) Định mức phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên

Theo biên chế được giao: Từ biên chế thứ 01 đến 50: 27.000.000 đồng/biên chế/năm; từ biên chế thứ 51 trở lên: 25.000.000 đồng/biên chế/năm;

Hoạt động không chuyên trách: 20.000.000 đồng/người/năm;

c) Định mức phân bổ đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: Phân bổ theo định suất được giao, khoán với mức 100.000.000 đồng/định suất/năm;

d) Phân bổ kinh phí cho các tổ chức xã hội theo quy định của cấp có thẩm quyền;

đ) Phân bổ thêm 15% kinh phí so với định mức quy định tại điểm a, điểm c và nội dung hoạt động không chuyên trách tại điểm b, khoản 7 Điều này, để thực hiện các nhiệm vụ chi sau đây: Chi mua sắm tài sản, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động; các chế độ đặc thù của Hội đồng nhân dân cấp xã, tổ

chức cơ sở Đảng, nhiệm vụ chính trị của cấp xã; một số chế độ chi tiêu hoạt động của đảng bộ xã, phường theo Quy định số 09-QĐ/VPTW ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Văn phòng Trung ương Đảng về một số chế độ chi tiêu hoạt động của Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc Trung ương và các nhiệm vụ khác theo quy định;

e) Đối với ấp, khóm

Phân bổ khoán kinh phí hoạt động 3.000.000 đồng/ấp, khóm/tháng;

Mức phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách thực hiện theo quy định của cấp thẩm quyền.

### **Điều 15. Định mức phân bổ chi quốc phòng**

1. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp tỉnh căn cứ theo các nội dung, công việc thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định (bao gồm kinh phí thực hiện Luật Dân quân tự vệ, Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên).

2. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp xã

a) Định mức phân bổ: 455.000.000 đồng/xã, phường/năm.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

Phụ cấp cho lực lượng dân quân thường trực; kinh phí ấp, khóm đội trưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền;

Đối với xã đảo theo địa giới hành chính trước khi sáp nhập, được bổ sung thêm 1.500.000.000 đồng/xã/năm;

Đối với xã bãi ngang ven biển theo địa giới hành chính trước khi sáp nhập, được bổ sung thêm 500.000.000 đồng/xã/năm.

### **Điều 16. Định mức phân bổ chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội**

1. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp tỉnh căn cứ theo các nội dung, công việc thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định.

2. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp xã

a) Định mức phân bổ: 210.000.000 đồng/xã, phường/năm.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

Kinh phí cho lực lượng tham gia Tổ bảo vệ an ninh trật tự ở ấp, khóm theo quy định của cấp thẩm quyền;

Đối với xã đảo theo địa giới hành chính trước khi sáp nhập, được bổ sung thêm 1.500.000.000 đồng/xã/năm;

Đối với xã bãi ngang ven biển theo địa giới hành chính trước khi sáp nhập, được bổ sung thêm 500.000.000 đồng/xã/năm.

### **Điều 17. Định mức phân bổ chi khác ngân sách**

1. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp tỉnh theo từng nội dung, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định.

2. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp xã: Chi khác ngân sách được phân bổ bằng 1,5% tổng dự toán chi thường xuyên (không bao gồm kinh phí bổ sung có mục tiêu).

### **Điều 18. Định mức phân bổ dự phòng ngân sách**

Phân bổ dự phòng theo quy định Luật Ngân sách nhà nước.

## **Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 19. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành

a) Nghị quyết số 07/2021/NQ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách năm 2022 – 2025;

b) Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 6 Điều 14, Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 04/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách năm 2022 – 2025;

c) Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước tỉnh Bạc Liêu năm 2022;

d) Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước tỉnh Bạc Liêu năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước tỉnh Bạc Liêu năm 2022;

đ) Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu sửa đổi, bổ sung một số điều các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước tỉnh Bạc Liêu năm 2022;

e) Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 5 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước tỉnh Bạc Liêu năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định

về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước tỉnh Bạc Liêu năm 2022.

### **Điều 20. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.
3. Căn cứ đặc điểm, tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân các xã, phường trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của từng lĩnh vực, nhiệm vụ chi tại địa phương, theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.
4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025.*

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và QLXLVPPL);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Công Thông tin điện tử tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Văn Thiệu**